TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NC** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **27**/2018/QĐST - HNGĐ	*N C, ngày 15 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 06/2018/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1993

Cư trú:Thôn T Đ, xã V Th, huyện N C, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Phan Văn C, sinh năm 1987

Cư trú: Thôn 3, xã T N, huyện N C, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo nghị quyết;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08/3/2018

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Phan Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con: Vợ chồng có 1con chung là Phan Hà M, sinh ngày 14/3/2015. Chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ tháng 02/2018 đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Anh C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ chung: Chị Lê Thị H và anh Phan Văn C không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị H chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N C theo biên lai thu tiền số AA/2015/0006551 ngày 05 tháng 01 năm 2018; trả lại cho chị H 150.000đ tiền tạm ứng án phí. Anh Phan Văn C chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS huyện N C;
- VKSND huyện N C;
- UBND xã V Th, huyện N C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Hữu Thắng